

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân  
kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương  
phân cấp cho cấp huyện quản lý năm 2022 sang năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp huyện quản lý năm 2022 sang năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cho cấp huyện quản lý năm 2022 sang năm 2023 với số vốn 100.360.699.249 đồng.

Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022 được phép kéo dài không quá ngày 31 tháng 12 năm 2023.

*(Chi tiết danh mục công trình, dự án kéo dài tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC; KBNN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, Tp, Tx;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Quang**

**Phụ lục I**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 PHÂN CẤP**  
**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch 2022 kéo dài sang 2023	Ghi chú
1	Thị xã Quảng Trị	442.236.000	Chi tiết như biểu số 2
2	Huyện Triệu Phong	11.261.149.000	Chi tiết như biểu số 3
3	Huyện Hải Lăng	13.471.465.600	Chi tiết như biểu số 4
4	Huyện Vĩnh Linh	66.036.044.978	Chi tiết như biểu số 5
5	Huyện Gio Linh	1.632.642.000	Chi tiết như biểu số 6
6	Huyện Cam Lộ	2.174.469.000	Chi tiết như biểu số 7
7	Huyện Đakrông	2.692.170.000	Chi tiết như biểu số 8
8	Huyện Hướng Hóa	2.650.522.671	Chi tiết như biểu số 9
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100.360.699.249</b>	

*B3*



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
1	Trung tâm hành chính thị xã Quảng Trị (GĐ 1) HM: Nhà làm việc 5 tầng	165.016.000
2	Khu dân cư khu Lương thực huyện Triệu Hải cũ (Giai đoạn 3)	158.394.000
3	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	68.826.000
4	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ - Hạng mục: San lấp mặt bằng, công chính vào cụm công nghiệp, hệ thống điện chiếu sáng	50.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>442.236.000</b>

*(Handwritten signature)*

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*



ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>4.072.179.000</b>
1	Đường GTNT thôn Hà Tây, xã Triệu An	993.000.000
2	Xây dựng công thoát nước thải, ao xử lý nước thải từ các hồ nuôi trồng Thủy sản thải ra xã Triệu Lăng	19.523.000
3	Đường GTNT thôn 1, xã Triệu Lăng	27.926.000
4	Sân thể thao xã Triệu Lăng	20.456.000
5	Cơ sở hạ tầng thương mại xã Triệu Lăng	9.582.000
6	Đường GTNT thôn 7,8,9, xã Triệu Vân	1.692.000
7	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử	3.000.000.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>7.163.251.000</b>
1	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong năm 2021	400.000.000
2	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực, thị trấn Ái Tử (đoạn từ đường Lê Lợi đến Hoàng Diệu)	600.000.000
3	Đường GTNT các thôn xã Triệu Trạch năm 2022	36.363.000
4	Đường GTNT thôn Nại Hiệp xã Triệu Ái	700.000.000
5	Quy hoạch khu dân cư xã Triệu Ái	900.000.000
6	Nhà làm việc một cửa xã Triệu Phước	12.478.000
7	Nâng cấp Sân TDTT xã Triệu Phước	7.062.000
8	Nâng cấp đường Trần Hưng Đạo và đường Nguyễn Du, thị trấn Ái Tử	1.749.806.000
9	Đường Trường Chinh (T19), thị trấn Ái Tử (Đoạn từ đường tránh thị xã Quảng Trị đến Lý Thường Kiệt)	198.115.000
10	Đường Nguyễn Thị Lý, thị trấn Ái Tử (Giai đoạn 2)	1.000.000.000
11	Đường Nguyễn Quang Xá, thị trấn Ái Tử	1.000.000.000
12	Chợ Bò Bản, xã Triệu Phước	500.000.000
13	Sửa chữa kè Khe Chung thôn 8, Nạo vét nân dòng chảy Khe Chung, Sửa chữa công thoát nước giữa thôn 9 xã Triệu Vân	29.078.000
14	Đường GTNT thôn Quảng Điền xã Triệu Đại	14.297.000
15	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Lương Tài Xá xã Triệu Đại	10.202.000
16	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Đại Hòa xã Triệu Đại	5.850.000
<b>III</b>	<b>Ngân sách xã</b>	<b>25.719.000</b>
1	Đường trục chính khu dân cư Tân Liêm, xã Triệu Độ	25.719.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.261.149.000</b>

*(Handwritten signature)*



## Phụ lục IV

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ***(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>99.213.000</b>
1	Sửa chữa nhà thiếu nhi huyện Hải Lăng	2.316.000
2	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	23.228.000
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy	2.504.000
4	Cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm Công nghiệp Diên Sanh, huyện Hải Lăng	21.165.000
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm CN Hải Thượng; Hạng mục: Tuyến đường gom RD1	20.000.000
6	Hệ thống thoát nước mặt các tuyến đường; nâng cấp, sửa chữa tuyến đường T12 và hệ thống điện chiếu sáng cụm CN Diên Sanh	30.000.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>5.938.909.000</b>
1	Sở chi huy huân luyện diễn tập KV phòng thủ huyện Hải Lăng	38.804.000
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Đập Thanh, thị trấn Hải Lăng	4.316.205.000
3	Hệ thống thoát nước phải tuyến đường 3 tháng 2 (đoạn từ QL1A đến đường Trần Phú)	1.482.000
4	CSHT Khu đô thị trung tâm hành chính huyện	378.179.000
5	CSHT Khu đô thị phía Tây đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 2)	78.185.000
6	Tuyến ống cấp nước sạch các khu dân cư phía Bắc đường Hùng Vương	1.126.054.000
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu bố trí trong dự toán năm 2022</b>	<b>17.100.000</b>
1	Chinh trang đô thị trồng cây xanh	17.100.000
<b>IV</b>	<b>Nguồn đầu tư xã, thị trấn quản lý</b>	<b>7.416.243.600</b>
<b>1</b>	<b>Xã Hải Sơn</b>	<b>348.000.000</b>
1.1	Trụ sở làm việc xã Hải Sơn	45.373.000
1.2	Điểm thương mại và dịch vụ xã Hải Sơn	16.622.000
1.3	Cấp điện sinh hoạt khu dân cư xã Hải Sơn	869.000
1.4	Cơ sở hạ tầng khu trung tâm xã Hải Sơn, HM: Đường giao thông	261.875.000
1.5	Sửa chữa nhà tránh lũ	2.109.000
1.6	BTH tuyến đường trung tâm xã Hải Sơn ( giai đoạn 2)	1.086.000
1.7	Đường thôn Tây Sơn ( khu vực Tân Lý nổi Khe Mương)	4.397.000
1.8	Xây mới tường rào, sân bê tông nhà văn hoá Tân Lý thôn Tây Sơn	7.991.000
1.9	Các công trình phụ trợ tại điểm thương mại dịch vụ xã	7.678.000
<b>2</b>	<b>Xã Hải Lâm</b>	<b>8.306.000</b>
2.1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Mai Đàn, xã Hải Lâm	3.321.000
2.2	Mở rộng đường liên thôn Trường Phước- Tân Chính, đoạn từ ngõ Toan đến cầu Hóp	4.985.000
<b>3</b>	<b>Xã Hải Hưng</b>	<b>437.674.000</b>
3.1	Nâng cấp sân trường TH&THCS Hải Vĩnh; Hạng mục: Lát gạch sân Terazzo	2.833.000
3.2	Xây dựng tường rào trường Mầm non xã Hải Xuân	1.126.000
3.3	Bê tông hóa GTND HTX Lam Thủy	2.519.000
3.4	Kênh tiêu Đập Bạ, thôn Trà Lộc (Giai đoạn 2)	962.000
3.5	CSHT khu dân cư khu vực xóm Vèng, thôn Duân Kinh	2.333.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
3.6	Nâng cấp đường GTNT thôn Trà Lộc	3.006.000
3.7	Xây dựng đường kiểu mẫu thôn Kinh Duy. Hạng mục: Điện chiếu sáng, kê, bồn hoa	3.705.000
3.8	Xây dựng Đường kiểu mẫu xã Hải Hưng (giai đoạn 1); Hạng mục: Đổ đất, trồng cây bóng mát, bồn hoa.	341.438.000
3.9	Công chào xã Hải Hưng	79.752.000
<b>4</b>	<b>Xã Hải Định</b>	<b>838.223.000</b>
4.1	Trung tâm thể dục thể thao xã Hải Định; Hạng mục: Hàng rào, đường	835.526.000
4.2	Khu dân cư xã Hải Thiện (nay là xã Hải Định). Hạng mục: Đất đai; tài sản trên đất và chính sách hỗ trợ.	2.697.000
<b>5</b>	<b>Thị trấn Diên Sanh</b>	<b>5.259.802.600</b>
5.1	Trường TH&THCS Bùi Dục Tài; Hạng mục: Lát gạch sân và Nâng cấp vỉa hè đoạn trước cổng trường điểm trường Tiểu học.	13.529.000
5.2	Công viên Trần Phú	3.407.000
5.3	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường tiểu học Hải Thọ	6.527.000
5.4	Xây dựng nhà để xe Chợ trung tâm Diên Sanh	5.528.000
5.5	Trường Mầm non Hải Thọ, hạng mục: Nâng cấp nhà hiệu bộ	3.039.000
5.6	Trường TH&THCS Hải Thọ Hạng mục: Sửa chữa, chống thấm nhà 2 tầng điểm tiểu học.	8.799.000
5.7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa khóm 6	4.540.000
5.8	Nâng cấp đường Trần Hữu Dực	1.888.000
5.9	Nâng cấp đường Tôn Thất Thuyết và cứng hóa hẻm đường Nguyễn Trãi	2.113.000
5.10	Cống thoát nước đường Khóm 3	19.844.000
5.11	Nhà văn hóa Khóm 1, hạng mục: Nhà hội trường	114.803.000
5.12	Nâng cấp, mở rộng đường Khóm 3	250.000.000
5.13	Xây dựng ki ốt chợ Thị trấn Hải Lăng	358.298.200
5.14	Trường Mầm non Hải Thọ, hạng mục: xây dựng nhà bếp một chiều	262.087.000
5.15	Trụ sở làm việc HĐND-UBND và trung tâm tiếp nhận hồ sơ một cửa	1.759.213.000
5.16	Hệ thống cây xanh các tuyến đường nội thị	29.019.100
5.17	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa khóm 7; Hạng mục: Nâng cấp sân, tường rào	115.358.000
5.18	Mở rộng cứng hóa, điện chiếu sáng một số tuyến đường nội thị trên địa	298.722.900
5.19	Nâng cấp các tuyến đường ra vùng cát	328.423.400
5.20	Xây dựng mới nhà đa năng điểm trường THCS Bùi Dục Tài	34.114.000
5.21	Khu đô thị phía đông đường Lương Đình Của	237.044.000
5.22	Khu đô thị khóm 2 (Giai đoạn 2)	1.105.000.000
5.23	Trường Mầm non Sơn Ca, hạng mục: Xây mới nhà vệ sinh giáo viên	298.506.000
<b>6</b>	<b>Xã Hải Phú</b>	<b>524.238.000</b>
6.1	Cơ sở hạ tầng khu vực Cồn Thành, xã Hải Phú; hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và cắm mốc phân lô	30.250.000
6.2	Nhà văn hóa đội 4 thôn Long Hưng	493.988.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.471.465.600</b>



## Phụ lục V

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>1.227.272.000</b>
1	Nhà văn hóa khu phố An Đức 2, thị trấn Cửa Tùng	4.570.000
2	Nhà văn hóa thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú	750.000.000
3	Nhà văn hóa khu phố Vĩnh Tiến, thị trấn Hồ Xá	136.000
4	Bê tông hóa đường liên thôn Sa Nam - Sa Bắc, xã Vĩnh Long	243.525.000
5	Nâng cấp đường giao thông từ đập Miền Thượng đến nhà Ông Điền, Khóm 3, thị trấn Bến Quan	97.051.000
6	Bê tông hóa trục đường từ Quốc lộ 9D đến nhà ông bà Lê Lĩnh khóm 1, thị trấn Bến Quan	6.733.000
7	Nâng cấp đường bê tông Kiệt 16, đường Nguyễn Du, thị trấn Hồ Xá	2.989.000
8	Trụ sở UBND huyện Vĩnh Linh; HM: Hệ thống thoát nước khuôn viên trụ sở, lát gạch vỉa hè	32.360.000
9	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh tiêu, hồ chứa nước thải khu nuôi tôm xã Hiền Thành	89.908.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>62.734.510.178</b>
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố Phú Thị Đông (Khóm 3 giai đoạn 2), khu dân cư khu phố 6 thị trấn Hồ Xá	1.489.573.136
2	Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Vĩnh Long huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	300.000.000
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Mũi Lò Vôi, xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2.260.964.080
4	Quy hoạch chi tiết 1/500 trung tâm hành chính xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	19.258.000
5	Tư vấn định giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm đấu giá QSD đất, các lô đất thuộc quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư Mũi Lò Vôi, xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	5.550.000
6	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Kim Thạch huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	60.414.000
7	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã Kim Thạch	6.089.000
8	Sửa chữa và di dời cổng chào xã Kim Thạch	499.860.000
9	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng	405.000.000
10	Xây dựng mới hệ thống điện năng lượng thấp sáng đường quê thôn An Lễ, xã Kim Thạch	8.986.000
11	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện thấp sáng đường quê 7 thôn Khe Ba, Sẻ, Đông, Tây, Roọc, Thủy Nam, Hương Nam, xã Kim Thạch	62.550.000
12	Xây dựng sân bê tông khu vui chơi thôn An Đông, xã Kim Thạch	150.000.000
13	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nông, xã Kim Thạch	150.000.000
14	Dự án thường NTM xã Vĩnh Ô năm 2021	11.940.000
15	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Ô huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	250.000.000
16	Thường NTM kiểu mẫu xã Hiền Thành năm 2020,2021	9.861.000





TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
17	Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Hiền Thành huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2023	300.000.000
18	Đường bê tông ở thôn Lê Xá đoạn từ đường liên xã đi đường Nguyễn Quang Dàn	38.433.000
19	Đường bê tông ở thôn Tiên An, xã Vĩnh Sơn, đoạn từ nhà anh Định đi đến nhà bà Cẩm thôn Tiên An	648.000.000
20	Nâng cấp kênh Tiên An, xã Vĩnh Sơn	23.949.000
21	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	300.000.000
22	Điểm dân cư khu vực 3 thôn Tiên An, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	69.891.000
23	Lắp đặt hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã Vĩnh Tú	5.797.000
24	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Tú huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021 -2025 định hướng đến 2030	300.000.000
25	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh	12.983.800
26	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Thử Luật, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	38.461.500
27	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Thái huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến 2030	64.819.000
28	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh	41.876.000
29	Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Vĩnh Lâm huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	300.000.000
30	Quy hoạch chung XD NTM xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến 2030	10.117.000
31	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng	405.000.000
32	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Chấp huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	300.000.000
33	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	300.000.000
34	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC vùng đồng cát thôn Nam Phú xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh Tỉnh Quảng Trị	41.876.000
35	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Giang huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	59.605.000
36	Thường thôn NTM kiểu mẫu xã Vĩnh Giang năm 2020, 2021	20.917.000
37	Dự án thường NTM xã Vĩnh Hà năm 2020,2021	6.961.000
38	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Hà huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	250.000.000
39	Đất công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bến Hải bàn giao lại cho địa phương quản lý theo nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh; hạng mục: Cắm cọc GPMB và đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính. Địa điểm: Xã Vĩnh Hà,	233.746.000
40	Cơ sở hạ tầng phục vụ đấu giá khu đất phía Tây Bắc Hòa Hải (Bắc Hòa Lý cũ), TT Cửa Tùng	371.874.565
41	Xây dựng mới nhà để xe UBND thị trấn Cửa Tùng	258.967.000
42	Xây dựng công chào thị trấn Cửa Tùng	9.960.000
43	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố An Du Đông 2, TT Cửa Tùng	14.517.000
44	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố Cát, An Đức 1, TT Cửa Tùng	3.437.000
45	Quy hoạch phân lô chi tiết tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư An Du Nam 2, Nam Hòa Lý Hải, Yên Ngãi, TT Cửa TÙNG, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng	60.299.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
46	Tư vấn định giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm đấu giá QSD đất, các lô đất thuộc khu Tây Bắc Hòa Lý Hải (Bắc Hòa Lý cũ), TT Cửa Tùng	5.550.000
47	Cấp giấy chứng nhận quyền SD đất cho các hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường du lịch từ Cửa Tùng đến Vịnh Mốc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị; HM: Đo đạc, cắm mốc phân lô	194.721.000
48	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu nhỏ lẻ tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh	21.072.800
49	Nhà văn hóa thôn Hiền Dũng, xã Vĩnh Hòa; HM: Xây mới công tường rào	11.678.000
50	Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Hòa huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	224.030.000
51	Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Vĩnh Khê huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030	250.000.000
52	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư trạng mè, khu phố lao động Thị Trấn Hồ xá, Vĩnh Linh, Quảng Trị.	54.243.000
53	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư nhóm 5, thị trấn Hồ xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng trị	33.992.000
54	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị trấn cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, Quảng trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040.	1.081.311.000
55	Điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Hồ xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040.	1.437.887.000
56	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Vĩnh Khê (Điểm trung tâm); Hạng mục: Xây nhà thường trực, làm tường rào, lát gạch sân trường, phòng họp, phòng nghệ thuật, nhà xe	65.439.400
57	Nhà văn hóa thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú	100.703.000
58	Nhà văn hóa khu phố Hòa Phú, thị trấn Hồ Xá	27.234.500
59	Trường mầm non Vĩnh Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ - 5 phòng làm việc và 01 nhà vệ sinh chung	1.043.333.000
60	Trường tiểu học Vĩnh Giang, hạng mục: Nhà đa năng	907.647.000
61	Nhà văn hóa khu phố An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng	106.409.000
62	Trụ sở UBND xã Vĩnh Khê, hạng mục: Xây dựng hàng rào, lát gạch terrazzo sân UBND xã, sửa chữa hư hỏng nhà làm việc 2 tầng, mái hiên trụ sở công an quân sự	2.001.000
63	Trụ sở Huyện ủy huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Thay vách kính, sơn nhà, trang thiết bị phòng làm việc, nâng cấp sân, lát gạch terrazzo mặt sân; Cải tạo các bồn cây và hệ thống thoát nước mưa	23.163.000
64	Xây dựng nhà văn hóa Nhóm 4, thị trấn Bến Quan	780.000
65	Nhà văn hóa thôn Khe Cát, hạng mục: Xây mới nhà văn hóa, nhà vệ sinh, giếng nước	224.509.000
66	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Nông, xã Kim Thạch	2.000.000.000
67	Trường mầm non Vĩnh Sơn (cụm Nam Sơn), hạng mục: Nhà 1 phòng học	32.509.000
68	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư khu phố An Du Nam 2, thị Trấn Cửa Tùng	195.000.000
69	Trường TH&THCS Vĩnh Sơn; Hạng mục: Nhà ăn bán trú	124.410.000
70	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ điện thu hút	1.196.852.000
71	Trường tiểu học Vĩnh Giang, hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	693.770.000
72	Nhà văn hóa thôn Hòa Bình, xã Vĩnh Hòa	623.761.000



*(Handwritten signature)*

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
73	Nhà văn hóa thôn Tiên Mỹ 2, xã Vĩnh Lâm, hạng mục: San nền, xây dựng nhà văn hóa	581.322.000
74	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa trung tâm, xã Vĩnh Giang	126.754.000
75	Trường mầm non Bến Quan, hạng mục: Sân trường và cải tạo nhà hiệu bộ	564.657.000
76	Trường TH và THCS Vĩnh Chắp; Hạng mục: Nhà vệ sinh	331.146.800
77	Nhà văn hóa thôn Thủy Ba Hạ, xã Vĩnh Thủy	39.342.500
78	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, xã Vĩnh Long	698.588.000
79	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 7, thị trấn Hồ Xá	5.550.000.000
80	Trường mầm non Số 2 Trung Nam. Hạng mục: Nhà 3 phòng học + bếp ăn bán trú	1.517.000
81	Xây dựng mới và nâng cấp cải tạo đường vào khu sinh thái Bàu Thủy Ứ, xã Vĩnh Tú	18.711.000
82	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới nhà hội trường, cải tạo, mở rộng nhà làm việc 2 tầng và khuôn viên cây xanh	336.896.000
83	Trường THCS Hiền Thành; HM; Nhà 2 tầng - 6 phòng học bộ môn	862.905.000
84	Trạm biến áp, đường dây trung áp hạ áp Xóm 9, Thôn Mít, xã Vĩnh Ô	698.349.000
85	Nâng cấp, sửa chữa nhà học 2 tầng 6 phòng học, nhà học bộ môn và xây mới nhà vệ sinh giáo viên Trường THCS Hiền Thành	470.463.000
86	Nâng cấp đường trục thôn Vịnh Mốc xã Kim Thạch	563.264.000
87	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố Trung Nam, thị trấn Cửa Tùng	17.484.000
88	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố An Du Nam 1, thị trấn Cửa Tùng	11.669.000
89	Quy hoạch trung tâm hành chính và trạm Y tế xã Kim Thạch; HM: San nền và đền bù, giải phóng mặt bằng	7.500.000.000
90	Nâng cấp các tuyến đường liên thôn trên địa bàn xã Kim Thạch	11.200.000.000
91	Trường mầm non Vĩnh Lâm. HM: Nhà 04 phòng học	11.371.000
92	Trường Tiểu học Kim Thạch (Cơ sở 1); HM: Nhà 2 tầng 02 phòng học, 02 phòng chức năng	1.000.000.000
93	Hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Huyện Trần Công Chứa, thị trấn Hồ Xá	763.813.000
94	Trung tâm văn hóa-thể thao xã Vĩnh Hà, HM: Nhà kho, nhà vệ sinh, giếng nước và lát gạch sân bóng chuyền	25.159.000
95	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	2.171.217.500
96	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	7.042.000
97	Bê tông hóa đường từ thôn Liêm Công Phường đi xã Vĩnh Hòa, xã Hiền Thành	22.972.000
98	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Vĩnh Ô; Hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học	549.797.000
99	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư vùng Đồng Cát, thôn Nam Phú, xã Trung Nam	900.000.000
100	Bê tông hóa đường liên thôn Tiên Mỹ 1 - Tiên Mỹ 2, xã Vĩnh Lâm	30.760.000
101	Bê tông hóa đường liên thôn từ xóm Tiên Trạo đến QL 1A, xã Vĩnh Lâm	11.261.000
102	Bê tông hóa đường nội thôn Xà Lời điểm đầu tại trường mầm non, xã Vĩnh Ô	12.687.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
103	Trường tiểu học Kim Thạch (Cơ sở 2); Hạng mục: Nhà 02 phòng học, 02 phòng chức năng	134.961.000
104	Nâng cấp đường giao thông phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn	59.460.000
105	Nâng cấp đường từ thôn Sơn Hạ đến thôn Vịnh Mốc, xã Kim Thạch	742.276.000
106	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy huyện Vĩnh Linh	101.276.000
107	Trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện Vĩnh Linh; HM: Tường rào, gara xe	908.180.000
108	Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến QL1 (đợt 1)	7.376.000
109	Xây dựng CSHT điểm dân cư thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh	5.838.000
110	Khắc phục khẩn cấp đường liên thôn từ chợ Trung tâm xã đi thôn Nam Sơn, xã Vĩnh Sơn; hạng mục: Cổng bản khẩu độ 0,75m	506.000
111	Đường bê tông thôn Chấp Bắc, xã Vĩnh Chấp	7.250.000
112	Xây dựng tuyến đường vào nhà ông Thông thôn Mới, xã Vĩnh Khê	2.699.000
113	Làm mới đường giao thông thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà	25.780.000
114	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang	3.161.000
115	Bê tông hóa giao thông Thủy Ba Tây, xã Vĩnh Thủy	11.601.000
116	Sửa chữa công trình thủy lợi thôn Mới, xã Vĩnh Khê	20.541.000
117	Sửa chữa công trình thủy lợi thôn Khe Cát, xã Vĩnh Khê	200.550.000
118	Sửa chữa đập khe Thúc, xã Vĩnh Ô	7.938.000
119	Xây dựng mới đập thủy lợi khe Tua thôn Thúc, xã Vĩnh Ô	71.091.000
120	Bê tông hóa đường nội thôn từ nhà ông Khánh đến ruộng thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê	19.215.000
121	Bê tông hóa đường nội thôn từ nhà ông Bằng đến nhà ông Lương, xã Vĩnh Khê	16.846.000
122	Nâng cấp kênh mương Trà Triện, thôn Thượng Hòa, xã Vĩnh Long	14.696.000
123	Đường giao thông từ QL1A đi thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa	199.541.000
124	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thị trấn Cửa Tùng (GĐ1)	34.388.710
125	Xây dựng mới đập thủy lợi khe Mìxi Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	111.067.000
126	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Khăm Tuyệt, xã Vĩnh Khê	11.550.000
127	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Thuận thôn Mới, xã Vĩnh Khê	5.503.000
128	Sửa chữa đường bê tông thôn Xà Lòi, xã Vĩnh Ô	28.841.000
129	Bê tông hóa trục đường từ đường Hồ Chí Minh đến ngã 3 nhà ông bà Sơn Hòa, thị trấn Bến Quan	13.219.000
130	Đường bê tông thôn Lai Bình, xã Vĩnh Chấp	11.334.000
131	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang	20.884.000
132	Xây dựng Hệ thống "Phòng họp không giấy" tại Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Linh	78.000.000
133	Sửa chữa nhà văn hóa và làm mới sân bê tông tại 6 thôn, xã Vĩnh Ô	198.500.000
134	Bê tông hóa trục đường từ Ngã 3 đường Ả rập đến đập miền thượng ở khóm 3, thị trấn Bến Quan	19.078.000
135	Đường bê tông nội thị khu dân cư, thị trấn Cửa Tùng	4.427.000
136	Bê tông hóa đường thôn Tân An, xã Hiền Thành	2.902.000
137	Đường bê tông thôn Chấp Nam, xã Vĩnh Chấp	13.748.000
138	Bê tông hóa GTNT thôn Hòa Bình, xã Vĩnh Hòa	28.210.000

QUẢNG

P2

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
139	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến lô cao su ông Thư thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê	22.946.000
140	Bê tông hóa giao thông Thủy Ba Hạ, xã Vĩnh Thủy	34.288.000
141	Đường GTNT thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái	37.090.000
142	Xây dựng mới đường giao thông vùng Chồi, xã Vĩnh Tú	2.877.000
143	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi Nam Sơn	1.734.685.000
144	Xây dựng hạ tầng khu dân cư khu phố 5, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	1.792.856.887
145	Trường THCS xã Kim Thạch; Sơn sửa nhà 02 tầng và công, hàng rào	24.648.000
<b>III</b>	<b>Nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1.380.989.000</b>
1	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà làm việc 1 cửa + thiết bị	49.823.000
2	Trụ sở UBND xã Vĩnh Khê; Hạng mục: Nhà làm việc 1 cửa + thiết bị	80.896.000
3	Trường tiểu học Vĩnh Giang, hạng mục: Nhà đa năng	1.000.000.000
4	Trường THCS Hiền Thành; HM; Nhà 2 tầng - 6 phòng học bộ môn	59.166.000
5	Hệ thống điện chiếu sáng đường Huyện Trần Công Chúa, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 2)	61.284.000
6	Nâng cấp đường giao thông phục vụ dân sinh và sản xuất nông nghiệp thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn	65.975.000
7	Công trình: Nhà bia công tích ngành Tài chính Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp nhà bia, tường rào, sân lát gạch	63.845.000
<b>IV</b>	<b>Nguồn khác (đấu giá cho thuê lô quầy chợ; tăng thu)</b>	<b>693.273.800</b>
1	Bê tông hóa đường GTNT Tiên Mỹ 1 (Đoạn từ hộ nhà ông Nguyễn Văn Cận đến hộ nhà ông Nguyễn Văn Niệc)	4.553.000
2	Chợ Lâm Cao xã Vĩnh Lâm; Hạng mục: Hệ thống tiêu úng;	56.812.000
3	Chợ Lâm Cao xã Vĩnh Lâm; Hạng mục: Sân bê tông và hệ thống điện đình chợ;	17.267.000
4	Chợ Tiên Mỹ xã Vĩnh Lâm; Hạng mục: Cải tạo đình, rãnh thoát nước chợ Tiên Mỹ;	13.759.000
5	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa chợ cá, chợ Hồ Xá 2, chợ Bến Quan	69.361.000
6	Trường THCS và THPT Bến Quan; Hạng mục: Xây dựng công hàng rào mặt trước, sơn lại nhà học 3 tầng và nhà hiệu bộ 2 tầng	526.871.800
	Trụ sở UBND xã Vĩnh Ô; HM: Thiết bị	4.650.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.036.044.978</b>



**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>34.933.000</b>
1	Trụ sở UBNDTTQ Việt Nam và các đoàn thể huyện Gio Linh	25.871.000
2	Bia tường niệm các Anh hùng Liệt sỹ tại di tích Quán Ngang	9.062.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>847.709.000</b>
1	Đường giao thông vào trung tâm xã Hải Thái, huyện Gio Linh	28.588.000
2	Phát triển điểm dân cư xã Gio Mỹ (giai đoạn 2); HM: Điện sinh hoạt	25.046.000
3	Trường Mầm non Gio Hải; Hạng mục: Xây dựng bếp ăn bán trú (Khu vực trung tâm)	109.753.000
4	Xây dựng nhà văn hóa xã Gio Mai (giai đoạn 2)	2.945.000
5	Cải tạo TT HTCD xã thành phòng làm việc và họp trực tuyến	2.850.000
6	Trường TH&THCS xã Gio Mỹ : Xây mới phòng học và sửa chữa một số hạng mục xuống cấp (giai đoạn 2)	6.087.000
7	Sửa chữa trạm Y tế xã Gio Mỹ; Hạng mục Làm mái che sân ; đổ đất vườn thuốc nam; sửa chữa cửa cổng chính	3.850.000
8	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời đường liên xã Gio	3.481.000
9	Hệ thống nước sạch 4 thôn Nhĩ Thượng, An Mỹ, Cẩm Phô, Thủy Khê xã Gio Mỹ (giai đoạn 1)	6.700.000
10	Nâng cấp đường giao thông thôn Phước Thị (nội đồng)	5.446.000
11	Nâng cấp đường giao thông thôn An Mỹ (nội đồng)	3.620.000
12	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông Cẩm Phô - Nhĩ Thượng	5.139.000
13	Sửa chữa trường Mầm Non Gio Mỹ; Hạng mục: 03 phòng học, bếp ăn, xây tường rào cụm Phước An	4.384.000
14	Sửa chữa hội trường thôn An Mỹ; thôn Phước Thị	2.375.000
15	Nâng cấp sửa chữa TTHTCD xã và trụ sở làm việc khối Mặt trận ( giai đoạn 2)	8.960.000
16	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (Xóm mới)	5.997.000
17	Hệ thống trạm bơm An Mỹ - Nhĩ Thượng	3.990.000
18	Kênh tưới HTX Cẩm Phô (hạ lưu hồ đập hoi)	3.990.000
19	Kênh tưới HTX Nhĩ Thượng	4.560.000
20	Trường THCS Gio Sơn (giai đoạn 1): Hạng mục: 02 phòng khoa học tự nhiên	30.519.000
21	Lát gạch sân trạm y tế xã Gio Sơn	2.850.000
22	BTH đường GTNT An Khê- Nam Tân- Lạc Sơn xã Gio Sơn	3.420.000
23	BTH đường ra khu sản xuất Chăn nuôi thôn Nam Đông, xã Gio Sơn	2.850.000
24	BTH đường ra khu sản xuất Phú Dụng và Trầm Sâu thôn An Khê, xã Gio Sơn	2.280.000
25	Nâng cấp, mở rộng TTHTCD thôn An Phú	2.935.000
26	Nâng cấp, mở rộng TTHTCD thôn Trường Trí	3.850.000
27	Nâng cấp, mở rộng TTHTCD thôn Hải An	2.952.000
28	Trụ sở UBND thị trấn Cửa Vệt; Hạng mục: Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trung tâm học tập cộng đồng	478.976.000

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
29	Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Cửa Việt (giai đoạn 2); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, hoán đổi đất, tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.	2.027.000
30	Sân thể dục thể thao trường THCS thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, hoán đổi đất, tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.	21.195.000
31	Trạm y tế thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thu hồi đất	33.222.000
32	Sửa chữa TT HTCĐ xã Trung Sơn	16.887.000
33	Trụ sở Huyện uỷ Gio Linh; Hạng mục: Xây dựng nhà bếp ăn	5.985.000
<b>III</b>	<b>Nguồn khác (tài trợ quy hoạch)</b>	<b>750.000.000</b>
1	Quy hoạch chi tiết khu dân cư xã Gio Hải (khu số 1) (tỷ lệ 1/500)	750.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.632.642.000</b>



**Phụ lục VII**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>227.978.000</b>
1	Sửa chữa đường Hàm Nghi thị trấn Cam Lộ	227.978.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>1.946.491.000</b>
1	Xây dựng CSHT khu dân cư khu phố 4 (GD 3)	345.315.000
2	Hệ thống cụm Pa nô tuyên truyền ngã ba chợ phiên huyện Cam Lộ (GD 2)	500.000.000
3	Xây dựng CSHT khu dân cư và hồ sinh thái khu phố 3 thị trấn Cam Lộ (GD 2)	504.000.000
4	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng thôn Tân Định, xã Cam Thành	550.237.000
5	Sân vận động xã Cam Tuyên	18.731.000
6	Nhà làm việc Công an xã Cam Tuyên; Hạng mục: Sửa chữa nhà làm việc, cổng, tường rào, sân bê tông	5.708.000
7	San nền, phân lô đấu giá quyền sử dụng đất thôn Tân Hòa, xã Cam Tuyên	3.441.000
8	Hệ thống cấp điện vào vùng sản xuất tập trung xã Cam Tuyên	13.422.000
9	Hệ thống đường giao thông nông thôn xã Cam Tuyên; Hạng mục: Nâng cấp đường giao thông thôn Ba Thung	5.637.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.174.469.000</b>





**Phụ lục VIII**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>783.635.000</b>
1	Nâng cấp tuyến đường nội thị thị trấn KrôngKlang. HM: Tuyến đường Hùng Vương và tuyến đường Lê Duẩn	759.514.000
2	Trụ sở xã Húc Nghi	23.508.000
3	Đường giao thông nội thôn Văn Vận xã Ba Lòg	613.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>1.908.535.000</b>
1	San tạo mặt bằng để đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4 thị trấn Krông Klang (giai đoạn 2)	343.878.000
2	Tạo quỹ đất xây dựng Khu đô thị mới tại khóm A Rông, Khe Xong thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	1.041.069.000
3	Tạo quỹ đất xây dựng Khu dân cư mới tại khóm A Rông, Khe Xong phía Đông Bắc đường Xuân Diệu, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông	523.588.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.692.170.000</b>

*(Handwritten signature)*



## Phụ lục IX

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG KẾ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2022 kéo dài sang năm 2023
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>219.181.000</b>
1	Nhà học bộ môn trường TH&THCS Tân Hợp	985.000
2	Phòng học một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	157.105.000
3	Nhà hiệu bộ một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	41.344.000
4	Khắc phục, sửa chữa công trình nước sinh hoạt thôn Chênh Vênh và thôn Cheng xã Hướng Phùng	19.747.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>415.111.571</b>
1	Nhà học bộ môn trường TH&THCS Tân Hợp	11.046.000
2	Sửa chữa hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt thôn Ruộng, xã Hướng Tân	165.250.000
3	Phòng học một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	165.960.571
4	Nhà hiệu bộ một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	64.438.000
5	Xây dựng điểm trường Mẫu giáo thôn Cu Ty (02 phòng học) tại xã Hướng Lộc, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	8.417.000
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn khác</b>	<b>1.982.000.100</b>
1	Nâng cấp mở rộng đường trung tâm xã Tân Liên	61.743.000
2	Khắc phục, sửa chữa công trình nước sinh hoạt thôn Chênh Vênh và thôn Cheng xã Hướng Phùng	50.000.000
3	Đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn Mới, thôn Hồ	57.714.100
4	Xây dựng 01 phòng học điểm lẻ thôn Trùm Trường Mầm non Ba Tầng	112.600.000
5	Xây dựng 02 phòng học điểm lẻ thôn Miệt - Pa Công Trường Mầm non Hướng Linh	205.000.000
6	Sửa chữa hệ thống thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt thôn Ruộng, xã Hướng Tân	356.698.000
7	Sửa chữa hệ thống thủy lợi Khe Lệt, xã Hướng Sơn	67.792.000
8	Cầu tràn vào khu sản xuất thôn Trùm, xã Ba Tầng	70.453.000
9	Phòng học một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	500.000.000
10	Nhà hiệu bộ một số trường Tiểu học và Trung học cơ sở	500.000.000
<b>IV</b>	<b>Ngân sách xã</b>	<b>34.230.000</b>
1	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông thôn Tân Hào, xã Tân Liên( Đoạn	10.849.000
2	Đường bê tông nội bộ khu tái định cư thôn Trăng - Tà Puông, xã Hướng Việt	10.927.000
3	Đường bê tông nội bộ khu tái định cư thôn Cựp tại thôn Cha Lý, xã Hướng Lập	5.308.000
4	Đường nội thôn Khối 5 nhánh T1, nhánh T2	2.073.000
	Đường bê tông nội xóm Trung Chính	5.073.000
6	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.650.522.671</b>